Ngày soạn:Tiết 11,12,13

**CHỦ ĐỀ:**

**QUAN HỆ VỚI CÔNG VIỆC (3 tiết)**

**I. Mục tiêu chủ đề:**

|  |
| --- |
| ***1) Kiến thức:***  - Giúp học sinh hiểu được thế nào là năng động, sáng tạo.  - Năng động, sáng tạo trong học tập, các hoạt động xã hội khác  - Học sinh hiểu được thế nào là làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả.  - Ý nghĩa của làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả. |
| ***2) Kỹ năng:***  *\* Năng động, sáng tạo*  - Biết tự đánh giá hành vi của bản thân và những người khác vì những biểu hiện của tính năng động, sáng tạo.  - Có ý thức học tập những tấm gương năng động , sáng tạo của những người xung quanh.  *\* Làm việc có năng suất chất lượng,hiệu quả*  - Học sinh có thể tự đánh giá hành vi của bản thân và người khác về kết quả công việc.  - Học tập những tấm gương làm việc có năng suất hiệu quả.  - Vận dụng vào học tập và hoạt động xã hội khác |
| ***3) Thái độ:***  - Hình thành ở học sinh nhu cầu về ý thức rèn luyện tính năng động, tính sáng tạo ở bất cứ điều kiện hoàn cảnh nào trong cuộc sống.  - Học sinh có ý thức tự rèn luyện để có thể làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả.  - Ủng hộ tôn trọng thành quả lao động.  . |
| ***4) Các năng lực hướng tới:*** |
| \* Năng lực chung:  - Năng lực tự học, Năng lực giải quyết vấn đề. Năng lực hợp tác; Năng lực sáng tạo.  - Năng lực tự quản lí: Đánh gíá  - Năng lực nhận thức, đánh giá tự điều chỉnh hành vi |
| **- GD đạo đức:** Giáo dục khát vọng lý tưởng cao đẹp vì cộng đồng, sống có tình yêu thương và trách nhiệm với mọi người xung quanh*.* Biết làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả trong học tập và cuộc sống hàng ngày. => Giáo dục về các giá trị TRÁCH NHIỆM, YÊU THƯƠNG, ĐOÀN KẾT….. |

**II Bảng mô tả mức độ câu hỏi, bài tập đánh giá năng lực học sinh qua chuyên đề**

| **Nội dung** | **MỨC ĐỘ NHẬN THỨC**  *(Sử dụng các động từ hành động để mô tả)* | | | | **Các năng lực hướng tới của chủ đề** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng thấp | Vận dụng cao |
| Nội dung 1  ***Năng động, sang tạo*** | - Ghi nhớ và trình bày được khái niệm năng động, sáng tạo  -Trình bày được ý nghĩa của năng động, sáng tạo | - Nêu được biểu hiện của năng động, sáng tạo và biểu hiện không năng động, sáng tạo | - Học sinh sưu tầm được một số câu ca dao, danh ngôn nói về tính năng động, sáng tạo | - Tìm hiểu và giới thiệu một tấm gương năng động, sáng tạo của các bạn học sinh trong lớp, trong trường hoặc địa phương em | - Năng lực tự học  .- Năng lực hợp tác  - Năng tự nhận thức. |
| Nội dung 2  ***Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả*** | - Ghi nhớ và trình bày được khái niệm làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả  -Trình bày được ý nghĩa của làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả | - Nêu được biểu hiện trái với làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả | Học sinh nêu được một số ví dụ thể hiện làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả | - Vận dụng giải quyết những tình huống cụ thể. | - Năng lực giải quyết vấn đề.  - Năng lực sáng tạo  - Năng lực nhận thức, đánh giá tự điều chỉnh hành vi |

**III. Biên soạn câu hỏi, bài tập theo các mức độ nhận thức**

**1. Các dạng câu hỏi, bài tập tình huống:**

**Nhận biết:**

? Thế nào là năng động, sáng tạo?

? Nêu ý nghĩa của năng động, sáng tạo?

? Thế nào là làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả?

**Thông hiểu:**

? Vì sao trong cuộc sống cần năng động, sáng tạo? Nêu 2 biểu hiện của năng động, sáng tạo và 2 biểu hiện không năng động, sáng tạo trong học tập của bản thân em?

? Vì sao làm việc gì cũng phải có năng suất, chất lượng, hiệu quả ? Nêu 2 biểu hiện trái với làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả

**Vận dụng thấp:**

Câu 1: Hãy sưu tầm một số câu ca dao, danh ngôn nói về tính năng động, sáng tạo

Câu 2: Hãy nêu một ví dụ thể hiện làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả?

**Vận dụng cao:**

***Câu 1***: Hãy tìm hiểu và giới thiệu một tấm gương năng động, sáng tạo của các bạn học sinh trong lớp, trong trường hoặc địa phương em?

***Câu 2***: Hôm nay đến phiên bạn A và B trực nhật lớp. A đến lớp sớm, vừa làm vừa chơi, không đeo khẩu trang chống bụi và không vẩy nước trước khi quét. B đế sau bảo A: : Sao cậu làm chậm thế, phải làm nhanh lên chứ:. B quét lấy quét để rất nhanh làm bụi bay mù mịt và bỏ sót nhiều chỗ không quét, giẻ lau không giặt sạch nên bảng đen trông lem nhem rất xấu.

Em tán thành cách làm của bạn nào? Vì sao?

Nếu em trực nhật, em sẽ làm như nào?

**2. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh trong chủ đề:**

- Kiểm tra miệng: Thực hiện khi kiểm tra bài cũ, trong quá trình dạy bài mới, trong quá trình luyện tập, củng cố.

**IV. Thiết kế tiến trình dạy học:** 03 *giáo án đính kèm*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiết theo chủ đề | Tiết theo  PPCT | Tên bài | Nội dung kiến thức |
| 1 | 11 | Bài 8: Năng động, sáng tạo | - Học sinh hiểu được thế nào là năng động, sáng tạo.  - Năng động, sáng tạo trong học tập, các hoạt động xã hội khác |
| 2 | 12 | Bài 8: Năng động, sáng tạo | - Nêu được ý nghĩa của năng động, sáng tạo.  - Cách rèn luyện để trở thành người năng động, sáng tạo |
| 3 | 13 | Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả | - Học sinh hiểu thế nào là làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả.  - Nêu được ý nghĩa của làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả. |

**Tiết 11 – Bài 8**

**NĂNG ĐỘNG , SÁNG TẠO**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức:**  HS hiểu được:

- Thế nào là năng động, sáng tạo

- Những biểu hiện của sự năng động sáng tạo và thiếu năng động sáng tạo.

- Ý nghĩa của  sống tính năng động sáng tạo

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực tự quản lý, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ,...

- Năng lực chuyên biệt:

+Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi phù hợp với pháp luật và chuẩn mực đạo đức xã hội.

+Tự chịu trách nhiệm và thực hiện trách nhiệm công dân vối cộng đồng, đất nước.

+ Giải quyết các vấn đề đạo đức, pháp luật, chính trị, xã hội

**3. Phẩm chất**

- Hình thành ở HS nhu cầu và ý thức rèn luyện tính năng động và sáng tạo ở bất cứ điều kiện, hoàn cảnh nào trong cuộc sống.

- Tôn trọng những người sống năng động, sáng tạo.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. GV chuẩn bị**

-    Kế hoạch bài học

- Sách học sinh, sách giáo khoa môn GDCD, lớp 9;

- Giấy khổ rộng, bút dạ, băng dính (hồ dán), kéo;

- Trường hợp, tình huống liên quan đến nội dung bài học.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- HS đọc, tìm hiểu trước bài học

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

***a. Mục tiêu*:**

- Kích thích HS tự tìm hiểu về năng động, sáng tạo

- Những biểu hiện của sự năng động sáng tạo và thiếu năng động sáng tạo.

- Ý nghĩa của  sống tính năng động sáng tạo

- Hình thành năng lực tư duy phê phán, xử lí tình huống thực tiễn, năng động trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày.

**b. Nội dung hoạt động**

*- Hoạt động cộng đồng*

**c. Sản phẩm hoạt động**

*- Trình bày miệng*

d. Tổ chức thực hiện

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

**-**GV: Cho HS nghe chuyện “Bác Hồ tự học ngoại ngữ”

? Qua câu chuyện em có nhận xét gì về cách học của Bác?

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

*- Học sinh: Trao đổi*

*- Giáo viên: quan sát*

*- Dự kiến sản phẩm:*

***Bước 3: Báo cáo thảo luận***

***Bước 4: Kết luận, nhận định***

*- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*

*- Giáo viên nhận xét, đánh giá*

*->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học …*

*->Giáo viên nêu mục tiêu bài học…*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

+ HS hiểu được những vấn đề xảy ra trong thực tế và nội dung bài học

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **- Hoạt động 1: Tìm hiểu phần đặt vấn đề.**  ?Tìm và nhận xét về việc làm của Ê-đi-xơn  và Lê Thái Hoàng? Thành quả đạt được?  ?. Em học tập được những gì qua việc làm của Ê-đi-xơn và Lê Thái Hoàng?  **a. Mục tiêu:** HS bước đầu nhận thức được tấm gương và biểu hiện của NĐST.  **b. Nội dung hoạt động**  *- Hoạt động nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn*  *- Hoạt động chung cả lớp*  **c. Sản phẩm hoạt động**  *- Phiếu học tập cá nhân*  *- Phiếu học tập của nhóm*  **d. Tổ chức thực hiện**  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  *- Giáo viên yêu cầu:* HS đọc phần ĐVĐ   các nhóm thảo luận( thảo luận theo bàn) các câu hỏi phần gợi ý sgk/ 38  *- Học sinh tiếp nhận…*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh làm việc nhóm*  *- Giáo viên quan sát*  *- Dự kiến sản phẩm*  ***Bước 3: Báo cáo thảo luận***  1.Ê-đi-xơn và Lê Thái Hoàng là người làm việc năng động sáng tạo .  -Êdi –xơn dùng những tấm gương để tạo thêm ánh sáng để bác sí thực hiện ca mổ cho mẹ mình .  -Lê Thái Hoàng nghiên cứu tìm ra cách giải những bài toán nhanh hơn  🡪Cứu sống được mẹ mình và sau này trở thành nhà phát minh vĩ đại trên thế giới .  -Hoàng giành được nhiều huy chương trong các kì thi toán quốc tế .  2.🡪Kiên trì chịu khó .  - Suy nghĩ tìm tòi để tìm ra cách giải quyết tốt nhất trong mọi công việc  - Trong học tập:  Say mê tìm tòi ,phát hiện ra cái mới ,luôn tìm cách áp dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống .  - Trong lao động : Dám nghĩ ,dám làm,  tìm ra cái mới.  - Trong sinh hoạt hàng ngày: Biết tiếp thu cái hay cái đẹp ,không bắt chước  một cách máy móc.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  - GV: kết luận  -  Sự thành công của mỗi người là kết quả của đức tính năng động, sáng tạo. Sự năng động, sáng tạo thể hiên ở mọi khía cạnh trong cuộc sống. trong thời đại ngày nay NĐ, ST sẽ giúp con người tím ra cái mới, rút ngắn thời gian để đạt được mục đích. Vậy NĐ, ST được biểu hiên trong thực tế như thế nào?  - GV hướng dẫn hs lấy vd cụ thể về tính năng động sáng tạo trên các lĩnh vực khác nhau  **- Hoạt động 2: Thế nào là năng động sáng tạo?**  **a. Mục tiêu:** HS hiểu được *Thế nào là năng động sáng tạo?Biểu hiện?*  **b. Nội dung hoạt động:**  *- Hoạt động nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn*  *- Hoạt động chung cả lớp*  **c. Sản phẩm hoạt động**  *- Phiếu học tập cá nhân*  *- Phiếu học tập của nhóm*  **d. Kết luận, nhận định**  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  *- Giáo viên yêu cầu:* *Thế nào là năng động sáng tạo?*  ? Hãy nêu những vd cụ thể về những người năng động, sáng tạo?  ? Để thể hiện là người NĐ, ST  theo em có những biểu hiện nào?  *- Học sinh tiếp nhận…*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh làm việc nhóm*  *- Giáo viên quan sát*  *- Dự kiến sản phẩm*  ***Bước 3: Báo cáo thảo luận***  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  - GV: kết luận :Tích cực, chủ động, linh hoạt trong học tập, lđ, vui chơi và sh hàng ngày; Không thụ động, phụ thuộc vào người khác; luôn có ý thức đổi mới cách học , cách nghĩ, cách làm, cách tổ chức cs, sh của bản thân sao cho có chất lượng, hiệu quả..  - GV tóm tắt nội dung chính của tiết học | **I. Đặt vấn đề**  -  **II. Nội dung bài học**  *1- Năng động sáng tạo:*  - Năng động: Tích cực, chủ động, dám nghĩ, dám làm.  - Sáng tạo: Say mê nghiên cứu, để tạo ra những giá trị mới về vật chất, tinh thần hoặc tìm ra cái mới, cách giải quyết mới mà không bị gò bó phụ thuộc vào những cái đã có.  - Ga-li-lê nhà thiên văn học người Ý.  - Lương Thế Vinh – tác giả “Đại thành toán pháp “.  - Nguyễn Thị Hà –là cháu ngoan Bác Hồ  - Tích cực chủ động dám nghĩ dám làm  - Say mê nghiên cứu tìm tòi để tìm ra cái mới .  - Tích cực, chủ động, linh hoạt trong học tập, lđ, vui chơi và sh hàng ngày; Không thụ động, phụ thuộc vào người khác; luôn có ý thức đổi mới cách học , cách nghĩ, cách làm, cách tổ chức cs, sh của bản thân sao cho có chất lượng, hiệu quả.. |

 Ngày soạn:

 Ngày dạy:

**Tiết 12 – Bài 8**

**NĂNG ĐỘNG , SÁNG TẠO**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức:**  HS hiểu được:

- Thế nào là năng động, sáng tạo? Ý nghĩa của sống năng động, sáng tạo?

- Những biểu hiện của sự năng động sáng tạo và thiếu năng động sáng tạo.

-  Biếtnhững biện pháp để rèn luyện tính năng động sáng tạo

**2. Năng lực**

- Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực tự quản lý, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ,...

- Năng lực chuyên biệt:

+Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi phù hợp với pháp luật và chuẩn mực đạo đức xã hội.

+Tự chịu trách nhiệm và thực hiện trách nhiệm công dân vối cộng đồng, đất nước.

+ Giải quyết các vấn đề đạo đức, pháp luật, chính trị, xã hội.

**3. Phẩm chất**

- Hình thành ở HS nhu cầu và ý thức rèn luyện tính năng động và sáng tạo ở bất cứ điều kiện, hoàn cảnh nào trong cuộc sống

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên chuẩn bị:**

- Kế hoạch bài học

- Sách học sinh, sách giáo khoa môn GDCD, lớp 9;

- Giấy khổ rộng, bút dạ, băng dính (hồ dán), kéo;

- Trường hợp, tình huống liên quan đến nội dung bài học.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- HS đọc, tìm hiểu trước bài học

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a.*Mục tiêu*:**

- Kích thích HS tự tìm hiểu về năng động, sáng tạo

- Những biểu hiện của sự năng động sáng tạo và thiếu năng động sáng tạo.

- Ý nghĩa của  sống tính năng động sáng tạo

- Hình thành năng lực tư duy phê phán, xử lí tình huống thực tiễn, năng động trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày.

**b. Nội dung hoạt động**

*- Hoạt động cộng đồng*

**c. Sản phẩm hoạt động**

*- Trình bày miệng*

**d. Tổ chức thực hiện**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

? Qua hai tấm gương Ê-đi-xơn và Lê Thái Hoàng , em học tập được những gì về tính  sáng tạo của họ?

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **- HĐ 1: Nêu ý nghĩa của NĐST**  **a. Mục tiêu:** HS hiểu được ý nghĩa của NĐST  **b. Nội dung hoạt động**  *- Hoạt động nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn*  *- Hoạt động chung cả lớp*  **c. Sản phẩm hoạt động**  *- Phiếu học tập cá nhân*  *- Phiếu học tập của nhóm*  **d. Tổ chức thực hiện**  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  *- Giáo viên yêu cầu:*  Năng động, sáng tạo có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống, học tập và lao động?  *- Học sinh tiếp nhận…*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh làm việc nhóm*  *- Giáo viên quan sát*  *- Dự kiến sản phẩm*  - Giúp con người vượt qua khó khăn của hoàn cảnh , rút ngắn thời gian để đạt mục đích .  ***Bước 3:Báo cáo thảo luận***  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  - GV: kết luận  **Hoạt động 2: Phương hướng rèn luyện**  **a. Mục tiêu:** HS biết được  phương hướng *Rèn luyện như thế nào*?  **b. Nội dung hoạt động**  *- Hoạt động nhóm*  *- Hoạt động chung cả lớp*  **c. Sản phẩm hoạt động:** Phiếu học tập  **d. Tổ chức thực hiện:**  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  *- Giáo viên:*? Chúng ta cần làm gì để rèn luyện tính năng động, sáng tạo?  Cho HS thảo luận nhóm  *- Học sinh tiếp nhận…*  ***Bước 2:  Thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh* :Thảo luận  *- Giáo viên: Quan sát*  *- Dự kiến sản phẩm:* - NĐ, ST không phải tự nhiên có sẵn mà do  tích  cực  kiê n trì  rèn luyện.  - Đb đ.v HS: Có ý thức học tập tốt, có pp học tập phù hợp và tích cực áp dụng những kién thức, kĩ năng đã học vào trong cs thực tế.  ***Bước 3: Báo cáo thảo luận: Phiếu học tập***  ***Bước 4: Kết luận, nhận đinh***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng* | *2- Ý nghĩa của năng động sáng tạo*:  -  Giúp con người vượt qua khó khăn của hoàn cảnh ,rút ngắn thời gian để đạt mục đích.  3- **Phương hướng rèn luyện**  - Rèn luyện tính siêng năng cần cù ,chăm chỉ .  - Biết vượt qua khó khăn thử thách ,vận dụng những điều đã biết vào cuộc sống. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** - Luyện tập để HS củng cố những gì đã biết về kiến thức bài học.

     -  Hình thành năng lực tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sáng tạo.

**b. Nội dung hoạt động:** Hoạt động cá nhân, nhóm

**c. Sản phẩm hoạt động:**  vở HS

**d. Tổ chức thực hiện**

***Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ***

*- Giáo viên…*

*- Học sinh tiếp nhận…*

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

*- Học sinh* :Thảo luận

*- Giáo viên: Quan sát*

*- Dự kiến sản phẩm*

***Bước 3: Báo cáo thảo luận:****Phiếu học tập*

***Bước 4: Kết luận, nhận định***

*- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*

*- Giáo viên nhận xét, đánh giá*

*->Giáo viên chốt kiến thức*

*Bài 1:* Những hành vi thể hiện tính năng động, sáng tạo là: b, d, e, h . Các hành vi còn lại là không năng động, sáng tạo.

*Bài 2:*  Em tán thành với quan điểm d, e .

*Bài 5:*

 HS chuẩn bị bài vào vở và trình bày

- HS cần phải rèn luyện tính NĐ, ST vì đức tính này giúp các em có thái độ tích cực, chủ động, dám nghĩ, dám làm, linh hoạt xử lí các tình huống trong học tập, lao động… nhằm đạt kết quả cao. Để trở thành người NĐ, ST , học sinh cần tìm ra cách học tập tốt nhất cho mình và tích cực vận dụng những điều đã học vào cuộc sống

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN ĐỤNG**

**a. Mục tiêu:**    Tạo cơ hội cho HS vận dụng kiến thức kĩ năng có được vào các tình huống thực tiễn.

     Hình thành năng lực tự học, giải quyết vấn đề, thông tin truyền thông.

**b. Nội dung hoạt động:** HĐ cá nhân, cộng đồng

**c. Sản phẩm hoạt động:**  vở HS

**d. Tổ chức thực hiện**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

*- Học sinh tiếp nhận…*

? Câu tục ngữ nào sau đây nói về năng động sáng tạo

a/ Cái khó ló cái khôn.

b/ Học một biết mười .

c/ Miệng nói tay làm .

D/ Há miệng chờ sung .

- GV  nêu kết luận toàn bài

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

*- Học sinh* :cá nhân

*- Giáo viên: Quan sát*

*- Dự kiến sản phẩm*

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận Phiếu học tập***

***Bước 4: Kết luận, nhận định***

*- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*

*- Giáo viên nhận xét, đánh giá*

*->Giáo viên chốt kiến thức*

- GV: Tổ chức đàm thoại với HS các bài tập sgk/ 39

Ngày soạn:

 Ngày dạy:

**Tiết 13 – Bài 9**

**LÀM VIỆC CÓ NĂNG SUẤT,  CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ**

**I.  Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**    Học sinh hiểu được:

    - Thế nào là làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả? Vì sao phải làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả

   - Hiểu được ý nghĩa của làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả.

   - Nêu được các yếu tố cần thiết để làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực tự quản lý, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ,...

- Năng lực chuyên biệt:

    - Biết vận dụng phương pháp học tập tích cực để nâng cao kết quả học tập của bản thân.

    - Năng động, sáng tạo trong học tập, lao động và trong sinh hoạt hàng ngày.

    - HS phân biệt được việc làm nào có năng suất, chất lượng, hiệu quả.

    - Những biểu hiện của lối làm việc có năng suất, chất lương, hiệu quả.

**3. Phẩm chất**

  - Tích cực, chủ động và sáng tạo trong học tập, lao động và sinh hoạt hàng ngày.

  -  Biết quí trọng người làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả.

  - Có nhu cầu làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. GV chuẩn bị**

-    Kế hoạch bài học

- Sách học sinh, sách giáo khoa môn GDCD, lớp 9;

- Giấy khổ rộng, bút dạ, băng dính (hồ dán), kéo;

- Trường hợp, tình huống liên quan đến nội dung bài học.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- HS đọc, tìm hiểu trước bài học

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**

- Kích thích HS tự tìm hiểu: Thế nào là làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả? Vì sao phải làm việc có năng suất, chất lương, hiệu quả? ý nghÜa cña lµm viÖc cã n¨ng suÊt, chÊt l­îng, hiÖu qu¶?  C¸c yÕu tè cÇn thiÕt ®Ó lµm viÖc cã n¨ng suÊt, chÊt l­îng, hiÖu qu¶.

- Hình thành năng lực tư duy phê phán, xử lí tình huống thực tiễn, năng động trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày.

**b. Nội dung hoạt động**

*- Hoạt động cộng đồng*

**c. Sản phẩm hoạt động**

*- Trình bày miệng*

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT DỘNG CỦA GV - HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu mục đặt vấn đề .**  **a. Mục tiêu:** HS hiểu được những việc làm thể hiện sự năng suất, chất lượng, hiệu quả của 1 tấm gương.  **b. Nội dung hoạt động**  *- Hoạt động nhóm*  *- Hoạt động chung cả lớp*  **c. Sản phẩm hoạt động**  *- Phiếu học tập cá nhân*  *- Phiếu học tập của nhóm*  d. Tổ chức thực hiện  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  *- Giáo viên yêu cầu:* 1 HS đọc phần ĐVĐ   các nhóm thảo luận( thảo luận theo bàn) các câu hỏi phần gợi ý sgk  *- Học sinh tiếp nhận…*  **- HS thảo luận các vấn đề**  1.   Qua truyện trên ta thấy: Những việc làm của GS LTT chứng tỏ ông là người có ý chí, quyết tâm cao, có sức làm việc phi thường. Ông luôn say mê tìm tòi, sáng tạo và có ý thức trách nhiệm cao đối với công việc.  2. Tìm những chi tiêt trong truyện chứng tỏ GS LTT làm việc có NS, CL, HQ.  3. Làm việc có năng suât, chất lương, hiệu quả có tác dụng như thế nào đối với cuộc sống?   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  *- Học sinh…*  *- Giáo viên…*  *- Dự kiến sản phẩm*  - Những chi tiết:   + Tốt nghiệp y tá, tiếp tục học trỏ thành bác sĩ, tiến sĩ   + Trong chiến tranh, ông đã ra tận mặt trận để chữa bỏng và nghiên cứu. Cuối cùng đã thành công trong việc dùng da ếch thay da người.   + Khi đất nước hòa bình vẫn tiếp tục nghiên cứu tìm tòi và đã chế ra được nhiều loại thuốc chữa  bỏng có hiệu quả cao   - Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả là một yêu cầu cần thiết của người lao động trong thời đại ngày nay, nó góp phần nâng cao đời sống của mỗi cá nhân, gia đình và xã hội.  - Trong lao động sản xuất.  - Trong sinh hoạt.  - Trong học tập.  => Trong bất cứ lĩnh vực nào làm việc có năng suất luôn phải đi đôi với chất lượng thì công việc mới đạt hiệu quả cao  ***Bước 3: Báo cáo thảo luận***  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*  **Hoạt động 2: tìm hiểu nội dung bài học**  **a. Mục tiêu:** HS hiểu được thế nào làlàm việc có năng suất và hiệu quả  **b. Nội dung hoạt động**  - Trải nghiệm  *- Hoạt động cặp đôi*  *- Hoạt động chung cả lớp*  **c. Sản phẩm hoạt động**  *- Phiếu học tập cá nhân*  *- Phiếu học tập của nhóm*  **d. Tổ chức thực hiện**  **Bước 1:*Chuyển giao nhiệm vụ***  *- Giáo viên yêu cầu*  1. Làm việc có NS, CL, HQ là như thế nào?  2. Làm việc có NS, CL, HQ có ý nghĩa như thế nào?  3. Để làm việc có NS, CL, HQ chúng ta cần phải làm gì?  *- Học sinh tiếp nhận…*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  *- Học sinh: Thảo luận*  *- Giáo viên: Quan sát, giúp đỡ*  *- Dự kiến sản phẩm*  ***Bước 3: Báo cáo thảo luận***  Tạo được nhiều sản phẩm ,có giá trị cao cả về nội dung và hình thức  -Tích cực nâng cao tay nghề ,rèn luyện sức khoẻ .lao động một cách tự giác có kỉ luật và luôn năng động sáng tạo .  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng* | **I. Truyện đọc**  *Chuyện về bác sĩ Lê Thế Trung*   +    Với những cống hiến to lớn đó, ông đã dược nhà nước phong tặng danh hiệu giáo sư, thầy thuốc nhân dân.  **II. Nội dung bài học**  **1- Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả.**  - Tạo ra nhiều sản phẩm tốt, có chất lượng cả về nội dung và hình thức trong một thời gian ngắn.  2- ý nghĩa:  - Nâng cao chất lượng cuộc sống cho bản thân, gia đình và xã hội.  - Thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, nâng cao đời sống của nhân dân.  - Bản thân hạnh phúc, tự hào.  3. Cách rèn luyện:  - Tích cực nâng cao tay nghề ,rèn luyện sức khoẻ .lao động một cách tự giác có kỉ luật và luôn năng động sáng tạo .  **III. Bài tập** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: - Luyện tập để HS củng cố những gì đã biết về kiến thức bài học.

                     -  Hình thành năng lực tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sáng tạo.

**b. Nội dung hoạt động**:  Cá nhân, nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

*- Giáo viên*

GV cho HS  đọc tư liệu tham khảo mục 1,2.

? Thế nào là hôn nhân? Nêu những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân ở Việt nam hiện nay?  Khái quát nội dung bài học

*- Học sinh tiếp nhận*

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

*- Học sinh* :Thảo luận

*- Giáo viên: Quan sát*

*- Dự kiến sản phẩm*

***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận:****Phiếu học tập*

Bài 1:  Những hành vi thể hiện làm việc có NS, CL, HQ là:  hành vi c, d, e .

 Bài 2:  Làm việc gì cũng đòi hỏi phải có NS,CL, HQ vì: Ngày nay XH chúng ta không chỉ có nhu cầu về số lượng mà đòi hỏi về chất lượng ngày càng cao.

Bài 3: HS nêu ví dụ cụ thể trong cuộc sống hàng ngày về làm việc có NS, CL, HQ.

***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***

*- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*

*- Giáo viên nhận xét, đánh giá*

*->Giáo viên chốt kiến thức*

- GV: Tổ chức đàm thoại với HS các bài tập sgk

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**  Tạo cơ hội cho HS vận dụng kiến thức kĩ năng có được vào các tình huống thực tiễn.

     Hình thành năng lực tự học, giải quyết vấn đề, thông tin truyền thông.

**b. Nội dung hoạt động:** Cá nhân, cộng đồng

**c. Sản phẩm hoạt động:**  vở HS

**d. Tổ chức thực hiện**

***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

*- Giáo viên…*

*- Học sinh tiếp nhận*

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

*- Học sinh* :cá nhân

*- Giáo viên: Quan sát*

*- Dự kiến sản phẩm*

***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận:****Phiếu học tập*

***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***

*- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*

*- Giáo viên nhận xét, đánh giá*

*->Giáo viên chốt kiến thức*

- GV: Tổ chức đàm thoại với HS các bài tập sgk.